

MỤC LỤC

	Trang
1 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 3
2 BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4
3 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
4 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
5 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 10
6 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 -31



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN

345/134 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN (dưới đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

1 CÁC THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Truyền thông Thanh niên (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/01/2006. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 02/04/2015 với số đăng ký kinh doanh và mã số thuế là 0304173170. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 403.416.300.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến 30/06/2015: 403.416.300.000 đồng.

Công ty có 03 Chi nhánh phụ thuộc

- Chi nhánh Công ty cổ phần Tập đoàn truyền thông Thanh Niên tại miền Trung - Lô C4, Thanh Lộc Đán, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn truyền thông Thanh Niên - Số 11, nhà D2A, phố Vạn Phúc, P. Liễu Giai, Quận Ba Đình, Tp Hà Nội
- Chi nhánh Công ty cổ phần truyền thông Thanh Niên tại Hoa Kỳ - 3565 Seven Hill Road - Castro Valley, CA 94546, Hoa Kỳ

Công ty có trụ sở chính tại: 345/134 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84) - 08 39209821

Fax: (84) - 08 392 09824

Hoạt động chính của công ty:

Quảng cáo; In ấn;

Đại lý, môi giới, đấu giá;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào;

Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Giáo dục nghề nghiệp;

Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;

Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);

Vận tải hành khách đường thủy nội địa;

Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa;

Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;

Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;

Hoạt động tư vấn quản lý (Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật));

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Đại lý vé máy bay);

Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Chi tiết: Mua bán thiết bị tin học);

Sản xuất nhạc cụ;

Sửa chữa thiết bị khác;

May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);

Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;

Bán buôn máy móc, thiết bị và đồ dùng máy khác;

Bán buôn thực phẩm;

Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;

Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;

7915
HÌNH
IÊN
NGT
TOÁN
NGLO
P-T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN

345/134 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Điều hành tour du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí;
- Đại lý du lịch;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- Bán buôn đồ uống;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

2 THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội Đồng Quản Trị

- | | |
|------------------------|------------|
| Ông Nguyễn Công Khế | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Quang Thông | Thành viên |
| Ông Nguyễn Hùng Cường | Thành viên |

Ban kiểm soát

- | | |
|-------------------------|------------|
| Bà Lê Thị Phương | Trưởng Ban |
| Bà Hoàng Thị Phương Mai | Thành viên |
| Ông Nguyễn Ngọc Sơn | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | |
|----------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Công Khế | Tổng Giám Đốc |
| Ông Hồ Văn Đắc | Phó Tổng Giám Đốc |
| Ông Đỗ Ngọc Tuấn | Phó Tổng Giám Đốc |
| Ông Lê Ngọc Thịnh | Phó Tổng Giám Đốc |
| Bà Bùi Thị Hồng Minh | Kế Toán Trưởng |

3 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
- Doanh thu thuần	56.910.337.791	67.628.476.864
- Lãi (Lỗ) từ hoạt động sản xuất kinh doanh	582.155.760	919.852.372

4 TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, cũng như tình hình hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Đảm bảo sổ sách kế toán được ghi chép và lưu trữ một cách phù hợp;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo vệ tài sản của công ty, ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

8-00
ANH
NAJ
Y TN
À ĐINH
NG-T.I
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN

345/134 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu trữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết với Hội đồng Quản trị Công ty rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

5 SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ BÁO CÁO

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc kỳ báo cáo đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, đến kết quả hoạt động của Công ty trong kỳ báo cáo.

6 KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Chi nhánh Miền Nam - Công ty TNHH Kiểm Toán Và Định Giá Thăng Long - T.D.K được chỉ định soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục thực hiện công việc kiểm toán cho Công ty.

7 PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2015

Thay mặt Ban Giám đốc



Tổng Giám đốc

Nguyễn Công Khế





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K CHI NHÁNH MIỀN NAM

THANG LONG – T.D.K AUDITING & VALUATION CO.,LTD (SOUTHERN BRANCH)

Office: C14, Quang Trung, P.11, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 3589 7462/ 63 - (84.8) 2216 4309

Fax: (84.8) 3589 7464

Email: kiemtoantdk@gmail.com

Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com

Số: 15515/TDK-KT

TP.Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và tuân thủ theo các quy định pháp lý có liên quan.

NGUYỄN CÔNG THIÊN

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0221-2014-045-1



NGUYỄN VĂN DŨNG

Phó Tổng Giám Đốc, kiêm Giám Đốc CN Miền Nam

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0346-2014-045-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm Toán & Định giá Thăng Long – T.D.K

Trụ sở chính : Sàn KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT CAHN, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Tel: 04.4450 0668 Fax: 04.4450 0669

Chi nhánh Miền Nam : C14, Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 08.3589 7462 Fax: 08.3589 7464

Chi nhánh Đồng Nai : E180 Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai

Tel: 061.3918 769 Fax: 061.3918 767

Chi nhánh Đà Nẵng : Số 42 Trần Tống, Phường Thạch Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.365 1818 Fax: 0511 365 1868

Chi nhánh Hà Nội : Số 97, Ngõ 141, Phố Giáp Nhị, Phường Thịnh Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Tel: 04.3540.9439 Fax: 04.3540 9439

Chi nhánh Lạng Sơn : Số 319 Bà Triệu, Phường Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn

Tel: 025.3718 545 Fax: 025.3718 264

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	Tại 30/6/2015	Tại 01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		411.500.648.574	497.088.156.855
I. Tiền & các khoản tương đương tiền	110	V.01	330.329.098.827	329.937.000.632
1. Tiền	111		10.829.098.827	9.617.000.632
2. Các khoản tương đương tiền	112		319.500.000.000	320.320.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.933.772.709	148.260.683.041
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	45.948.073.301	54.863.176.559
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	2.397.043.178	13.571.627.132
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	12.811.168.822	80.048.391.942
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(222.512.592)	(222.512.592)
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	15.787.606.981	14.337.224.338
1. Hàng tồn kho	141		15.787.606.981	14.337.224.338
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.450.170.057	4.553.248.844
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		105.957.719	288.619.805
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		53.866.595	4.575.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	V.13	4.290.345.743	4.260.054.039
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210+220+240+250+260)	200		174.283.538.457	138.294.139.660
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		66.186.944	1.720.658.560
1. Phải thu dài hạn khác	216		66.186.944	1.720.658.560
II. Tài sản cố định	220		75.510.349.107	34.975.467.918
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	35.873.279.387	31.172.122.918
- Nguyên giá	222		69.952.044.460	62.255.430.569
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(34.078.765.073)	(31.083.307.651)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	39.637.069.720	3.803.345.000
- Nguyên giá	228		39.685.569.720	3.851.845.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(48.500.000)	(48.500.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	81.772.052.903	80.412.517.103
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		81.772.052.903	80.412.517.103
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	12.960.095.218	10.361.549.113
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.335.932.811	1.206.381.680
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		11.889.204.650	9.420.209.676
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.000.000.000	5.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(5.265.042.243)	(5.265.042.243)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.974.854.285	10.823.946.966
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	3.974.854.285	10.823.946.966
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		585.784.187.031	635.382.296.515

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	Tại 30/6/2015	Tại 01/01/2015
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		172.175.155.168	217.743.018.735
I. Nợ ngắn hạn	310		172.020.609.714	217.588.473.281
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	29.421.563.143	45.235.817.645
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	735.718.646	199.957.323
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà Nhà nước	313	V.13	1.123.542.559	1.723.087.147
4. Phải trả người lao động	314		303.547.276	858.033.100
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	434.292.363	541.181.818
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	34.471.832.772	65.169.408.305
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	104.468.666.495	103.249.249.200
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.061.446.460	611.738.743
II. Nợ dài hạn	330		154.545.454	154.545.454
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16	154.545.454	154.545.454
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		413.609.031.863	417.639.277.780
I. Vốn chủ sở hữu	410		413.609.031.863	417.639.277.780
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17	403.416.300.000	403.416.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		403.416.300.000	403.416.300.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(27.625.922)	(68.005.387)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.361.224.959	3.382.228.938
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.443.363.948	3.631.707.800
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.415.768.878	7.277.046.429
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.194.300.915	(32.701.677.065)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		221.467.963	39.978.723.494
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		585.784.187.031	635.382.296.515

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Bùi Thị Hồng Minh
Kế Toán Trưởng



Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc

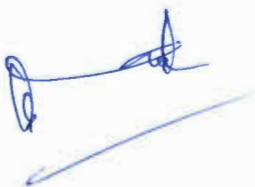
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CHO KỲ TÀI CHÍNH SÁU THÁNG KẾT THÚC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	57.168.379.748	67.628.476.864
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	258.041.957	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		56.910.337.791	67.628.476.864
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	47.614.167.848	55.778.443.397
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		9.296.169.943	11.850.033.467
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	579.882.342	206.793.137
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	284.462.393	225.989.131
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.06	842.929.196	1.354.706.223
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.07	8.166.504.936	9.556.278.878
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		582.155.760	919.852.372
11. Thu nhập khác	31	VI.08	6.603.413.004	868.501.494
12. Chi phí khác	32	VI.09	6.525.254.178	168.496.958
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		78.158.826	700.004.536
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		660.314.586	1.619.856.908
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	438.846.623	356.501.212
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		221.467.963	1.263.355.696
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Bùi Thị Hồng Minh
Kế Toán Trưởng

Tp Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2015



Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

CHO KỲ TÀI CHÍNH SÁU THÁNG KẾT THÚC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		85.687.376.425	85.966.912.162
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(61.011.898.314)	(66.815.749.413)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.054.977.504)	(5.374.989.865)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(46.787.510)	(216.548.534)
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(890.374.482)	(737.932.832)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		25.161.313.115	5.999.480.886
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.521.512.685)	(18.851.609.054)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		34.323.139.045	(30.436.650)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(43.530.338.611)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(797.824.000.000)	(27.050.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		743.270.000.000	35.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.598.546.071)	(34.769.583.053)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		64.899.600.000	26.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		582.757.732	199.086.227
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(35.200.526.950)	479.503.174
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	4.789.239.395
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		17.811.666.495	16.740.394.085
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(16.588.000.000)	(13.014.438.809)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(4.789.239.395)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.223.666.495	3.725.955.276
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		346.278.590	4.175.021.800

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

CHO KỲ TÀI CHÍNH SÁU THÁNG KẾT THÚC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		329.937.000.632	18.760.548.718
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		45.819.605	38.427.908
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		330.329.098.827	22.973.998.426

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Bùi Thị Hồng Minh
Kế Toán Trưởng

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2015



Nguyễn Công Thế

Tổng Giám đốc

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CHO KỶ TÀI CHÍNH SÁU THÁNG KẾT THÚC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 Hình thức hoạt động

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Truyền thông Thanh niên (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/01/2006. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 02/04/2015 với số đăng ký kinh doanh và mã số thuế là 0304173170. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 403.416.300.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến 30/06/2015: 403.416.300.000 đồng.

Công ty có 03 Chi nhánh phụ thuộc

- Chi nhánh Công ty cổ phần Tập đoàn truyền thông Thanh Niên tại miền Trung - Lô C4, Thanh Lộc Đán, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn truyền thông Thanh Niên - Số 11, nhà D2A, phố Vạn Phúc, P. Liễu Giai, Quận Ba Đình, Tp Hà Nội
- Chi nhánh Công ty cổ phần truyền thông Thanh Niên tại Hoa Kỳ - 3565 Seven Hill Road - Castro Valley, CA 94546, Hoa Kỳ

Công ty có trụ sở chính tại: 345/134 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84) - 08 39209821

Fax: (84) - 08 392 09824

2 Ngành nghề kinh doanh

Quảng cáo; In ấn;

Đại lý, môi giới, đấu giá;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào;

Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Giáo dục nghề nghiệp;

Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;

Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);

Vận tải hành khách đường thủy nội địa;

Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa;

Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;

Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;

Hoạt động tư vấn quản lý (Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật));

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Đại lý vé máy bay);

Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Chi tiết: Mua bán thiết bị tin học);

Sản xuất nhạc cụ;

Sửa chữa thiết bị khác;

May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);

Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;

Bán buôn máy móc, thiết bị và đồ dùng máy khác;

Bán buôn thực phẩm;

Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;

Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;

Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
Điều hành tour du lịch;
Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí;
Đại lý du lịch;
Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
Bán buôn đồ uống;
Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

II. KỲ BÁO CÁO, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 Kỳ báo cáo

Kỳ báo cáo cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND) và được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 200 do Bộ tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 thay thế cho QĐ số 15/2006/QĐ-BTC và các thông tư sửa đổi có liên quan của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1) được hướng dẫn thực hiện bởi Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành;
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2) được hướng dẫn thực hiện bởi Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành;
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3) được hướng dẫn thực hiện bởi Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành;
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4) được hướng dẫn thực hiện bởi Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành; và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5). Quyết định 100/2005/QĐ-BTC được hướng dẫn thực hiện bởi Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được soạn lập dựa trên nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo, việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, thông lệ kế toán Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CNXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.



*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm***2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Các chế độ kế toán được áp dụng nhất quán với những chế độ kế toán áp dụng với báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

3 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1 Sử dụng các ước tính kế toán**

Việc soạn lập báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ:

Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác với VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh. Chênh lệch tỷ giá từ việc quy đổi này sẽ được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí hoạt động tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với các tài sản và nợ phải trả có gốc ngoại tệ:

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc tiền tệ khác với VND tại ngày lập báo cáo tài chính được đánh giá lại chênh lệch tỷ giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá theo quy định của Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012.

Các khoản mục trên Báo cáo tài chính của Chi nhánh Công ty cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên tại Mỹ có nguồn gốc là USD được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam (VND) để phục vụ cho việc tổng hợp báo cáo của Công ty mẹ. Nguyên tắc chuyển đổi từ USD thành VND, như sau:

- Các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán được chuyển sang VND theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng tại thời điểm 30/06/2015 của các nghiệp vụ phát sinh

- Các khoản mục thu nhập và chi phí được ghi trên Kết quả kinh doanh được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng của 06 tháng năm 2015

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính sang VND được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch chênh lệch tỷ giá hối đoái của Báo cáo tài chính được chuyển đổi

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo	Ngày 31/12/2014	21.246 VND/USD
	Ngày 30/06/2015	21.673 VND/USD

3 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

4 Hàng tồn kho**a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:**

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.)

Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm***c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Kê khai thường xuyên**d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính (thay thế Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006).

5 Các khoản phải thu**a. Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

b. Trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Việc quản lý và trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 (có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và được sử dụng thay thế cho Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009), cụ thể như sau:

a. TSCĐ hữu hình:**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Từ ngày 01/07/2013, đối với các tài sản cố định doanh nghiệp đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 2 của Thông tư 45/2013/TT-BTC thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	10-30
Máy móc thiết bị	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Súc vật, vườn cây lâu năm	03

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm

Tài sản cố định khác

08 -10

b. TSCĐ vô hình:

Quyền sử dụng đất: Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất (trừ trường hợp thuê đất) và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi trả ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng với các khoản chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ tài chính.

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính với thời gian khấu hao là ba (03) năm.

7 Kế toán các khoản đầu tư tài chính***Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết***

(a) Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản khác từ công ty liên kết mà nhà đầu tư nhận được ngoài cổ tức và lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi của các khoản đầu tư và được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.

(b) Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn ước tính vào thời điểm cuối năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Được ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị góp vốn được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp nhận trong biên bản góp vốn.

Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh dưới hình thức:

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát phản ánh trên tài khoản "Vốn góp liên doanh là Giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh Giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

Trường hợp góp vốn liên doanh bằng vật tư, hàng hóa

Nếu giá đánh giá lại của vật tư, hàng hóa cao hơn giá trị ghi trên sổ kế toán ở thời điểm góp vốn, thì khoản chênh lệch này được ghi nhận vào thu nhập khác. Phần thu nhập khác do chênh lệch đánh giá lại vật tư, hàng hóa tương ứng với lợi ích của bên góp vốn liên doanh phải được hoãn lại và ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Khi cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát bán số vật tư, hàng hóa cho bên thứ ba độc lập, khoản doanh thu chưa thực hiện này được kết chuyển vào thu nhập khác.

Nếu giá đánh giá lại của vật tư, hàng hóa thấp hơn giá trị ghi trên sổ kế toán ở thời điểm góp vốn, thì khoản chênh lệch này được ghi nhận vào chi phí khác.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm

Trường hợp góp vốn liên doanh bằng tài sản cố định

Nếu giá đánh giá lại của TSCĐ cao hơn giá trị ghi trên sổ kế toán ở thời điểm góp vốn, thì khoản chênh lệch này được ghi nhận vào thu nhập khác. Phần thu nhập khác do chênh lệch đánh giá lại TSCĐ tương ứng với phần vốn góp của bên góp vốn liên doanh phải được hoãn lại và ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Hàng năm, khoản doanh thu chưa thực hiện này (lãi do đánh giá lại TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh) được phân bổ dần vào thu nhập khác theo thời gian sử dụng hữu ích dự kiến của tài sản cố định đem đi góp vốn liên doanh.

Nếu giá đánh giá lại của TSCĐ thấp hơn giá trị ghi trên sổ kế toán ở thời điểm góp vốn, thì khoản chênh lệch này được ghi nhận ngay vào chi phí khác trong kỳ.

Khi thu hồi vốn góp liên doanh vào sổ sổ kinh doanh đồng kiểm soát, căn cứ vào giá trị vật tư, tài sản và tiền do liên doanh trả lại để ghi giảm số vốn đã góp. Nếu bị thiệt hại do không thu hồi đủ vốn góp thì khoản thiệt hại này được ghi nhận là một khoản chi phí tài chính. Nếu giá trị thu hồi cao hơn số vốn đã góp thì khoản lãi này được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

Lợi nhuận từ kết quả đầu tư góp vốn liên doanh vào cơ sở đồng kiểm soát là khoản doanh thu hoạt động tài chính và được phản ánh vào bên Có Tài khoản 515 "Doanh thu hoạt động tài chính". Số lợi nhuận chia cho các bên tham gia liên doanh có thể được thanh toán toàn bộ hoặc thanh toán từng phần theo mỗi kỳ kế toán và cũng có thể giữ lại để bổ sung vốn góp liên doanh nếu các bên tham gia liên doanh chấp thuận.

Các khoản chi phí về hoạt động liên doanh phát sinh được phản ánh vào bên Nợ TK 635 "Chi phí tài chính".

Các bên góp vốn liên doanh vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát có quyền chuyển nhượng giá trị phần vốn góp của mình trong liên doanh. Trường hợp giá trị chuyển nhượng cao hơn số vốn đã góp vào liên doanh thì chênh lệch lãi do chuyển nhượng vốn được phản ánh vào bên Có TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính". Ngược lại, nếu giá trị chuyển nhượng thấp hơn số vốn đã góp thì chênh lệch lỗ do chuyển nhượng vốn được phản ánh vào bên Nợ TK 635 "Chi phí tài chính".

Đối với cơ sở đồng kiểm soát, khi chuyển nhượng phần vốn giữa các bên tham gia liên doanh thì các chi phí liên quan đến hoạt động chuyển nhượng của các bên không hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp mà chỉ theo dõi chi tiết nguồn vốn góp và làm thủ tục chuyển đổi tên chủ sở hữu trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép đầu tư.

Đối với bên liên doanh hoặc đối tác khác mua lại phần vốn góp của các bên khác trong liên doanh, thì phản ánh phần vốn góp vào liên doanh theo giá thực tế mua (giá mua phần vốn góp này có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị sổ sách của phần vốn góp được chuyển nhượng tại thời điểm thực hiện việc chuyển nhượng).

Kế toán phải mở sổ kế toán chi tiết theo dõi các khoản vốn góp liên doanh vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo từng đối tác, từng lần góp và từng khoản vốn đã thu hồi, chuyển nhượng.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính khác

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

8 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay (CPĐV)**Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hoá trong khoản thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định CPĐV được vốn hóa trong kỳ: Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn**a. Chi phí thành lập**

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

b. Chi phí trước hoạt động

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi Công ty chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

c. Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng hoặc không quá 2 lần: 50% khi xuất dùng và 50% khi báo hỏng.

d. Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Giá gốc của tiền thuê đất trả trước bao gồm tổng số tiền thuê đất đã thanh toán cho bên cho thuê và các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc thuê đất. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là thời gian thuê đất ghi nhận trên hợp đồng thuê đất hoặc thời gian thuê đất ghi nhận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

10 Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu quỹ: Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (i) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (ii) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch bán hàng;
- (v) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

c. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (ii) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (iii) Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- (iv) Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa riêng niên độ được đính kèm

d. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- (i) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- (i) Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính
- (ii) Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- (iii) Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ
- (iv) Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

14 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại

(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

(ii) Thuế thu nhập hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

(iii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ;

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

15 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tiền tệ: VND

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại 30/6/2015	Tại 01/01/2015
Tiền mặt tại quỹ	869.917.017	199.403.023
Tiền gửi ngân hàng	9.959.181.810	9.417.597.609
Các khoản tương đương tiền	319.500.000.000	320.320.000.000
Tổng cộng	330.329.098.827	329.937.000.632

(* Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015:

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm

2 Các khoản đầu tư tài chính

	Tại 30/6/2015	Tại 01/01/2015
a) Đầu tư vào công ty con	1.335.932.811	1.206.381.680
<i>Công ty TNHH MTV Giải trí Thanh Niên</i>	1.000.000.000	1.000.000.000
<i>Công ty CP truyền thông Thanh Niên Film (*)</i>	335.932.811	206.381.680
b) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	11.889.204.650	9.420.209.676
<i>Công ty TNHH Quảng Cáo Phát hành Thanh Niên</i>	1.000.000.000	1.000.000.000
<i>Công ty cổ phần duyên dáng Việt Nam</i>	2.040.000.000	2.040.000.000
<i>Công ty cổ phần truyền thông Một Thế Giới (**)</i>	5.000.000.000	4.134.838.854
<i>Công ty TNHH Thanh Niên Investment (***)</i>	2.700.000.000	1.266.167.084
<i>Công ty CP truyền thông giải trí Ami Thanh Niên (****)</i>	500.000.000	500.000.000
<i>Công ty cổ phần dịch vụ Thanh Niên (*****)</i>	649.204.650	479.203.738
c) Đầu tư các đơn vị khác	5.000.000.000	5.000.000.000
<i>Hãng phim Thanh Niên</i>	1.000.000.000	1.000.000.000
<i>Công ty cổ phần cao ốc Thanh Niên - Detesco</i>	4.000.000.000	4.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(5.265.042.243)	(5.265.042.243)
Tổng cộng	12.960.095.218	10.361.549.113

Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh liên kết trong kỳ được thuyết minh tại VIII.6

(*) Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312705340 đăng ký lần đầu ngày 24/03/2014, vốn điều lệ của Công ty CP truyền thông Thanh Niên Film là 2 tỷ đồng. Trong đó, Công ty cam kết đóng góp 1,02 tỷ đồng tương đương với 51% vốn điều lệ. Tuy nhiên, tính đến ngày 30/06/2015 Công ty đã góp được 335.932.811 đồng chiếm 16,8% vốn điều lệ.

(**) Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312682189 đã điều chỉnh lần thứ nhất ngày 25/3/2014, vốn điều lệ của Công ty CP truyền thông Một Thế Giới là 15 tỷ đồng. Trong đó, Công ty cam kết góp 5 tỷ đồng tương đương với 33,33% vốn điều lệ.

(***) Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312682189 đã điều chỉnh lần thứ nhất ngày 20/03/2014, vốn điều lệ của Công ty TNHH Thanh Niên Investment là 6 tỷ đồng. Trong đó, Công ty cam kết góp 2,7 tỷ đồng tương ứng với 45% vốn điều lệ.

(****) Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312681185 đăng ký lần đầu ngày 10/03/2015, vốn điều lệ của Công ty cổ phần truyền thông Giải trí Ami Thanh Niên là 4 tỷ đồng. Trong đó, Công ty cam kết góp 1 tỷ đồng tương ứng với 25% vốn điều lệ. Tuy nhiên, tính đến ngày 30/06/2015 công ty đã góp được 500 triệu đồng chiếm 12,5% vốn điều lệ.

(*****) Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312734630 đăng ký lần đầu ngày 14/4/2014, vốn điều lệ của Công ty CP dịch vụ Thanh Niên là 5 tỷ đồng. Trong đó, Công ty cam kết góp 2,25 tỷ đồng tương ứng với 45% vốn điều lệ. Tuy nhiên, tính đến ngày 30/06/2015 công ty đã góp được 649.204.650 đồng chiếm 12,98% vốn điều lệ.

3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Tại 30/6/2015	Tại 01/01/2015
a. Phải thu khách hàng	45.948.073.301	54.863.176.559
Công ty CP TMDV SX An Ninh	4.919.629.150	4.919.629.150
Công ty TNHH MTV in báo nhân dân	6.930.000.000	2.708.169.190
Công ty CP Giấy Phụng Vinh Hưng	79.780.133	13.930.164.567
Công ty TNHH QCPH Thanh Niên	1.184.636.829	958.987.549
Công ty cổ phần Yến Việt	1.063.980.000	1.063.980.000
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	1.296.157.958	688.447.444
Báo Thanh Niên	6.991.070.263	6.885.129.071
CN Công ty TNHH MTV VT Hùng Vương	5.250.000.000	7.260.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN

345/134 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm*

Công ty CP đầu tư và xây lắp hạ tầng PIDI	7.054.589.025	-
Công ty CP xây dựng số 3 Hà Nội	1.008.822.107	1.008.822.107
Khách hàng khác	10.169.407.836	15.439.847.481
b. Trả trước nhà cung cấp	2.397.043.178	13.571.627.132
Ông Đặng Văn Tượng	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Lâm Thịnh Hòa	510.000.000	510.000.000
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	-	448.646.814
Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản Tp Hồ Chí Minh	-	10.976.288.820
Công ty TNHH Thương Mại và kỹ thuật Việt Trung	972.900.000	972.900.000
Khách hàng khác	614.143.178	363.791.498
c. Phải thu khác	12.811.168.822	80.048.391.942
a) Ngắn hạn	-	-
- Kỹ quỹ, ký cược	-	4.578.730.477
- Phải thu khác	-	-
Công ty TNHH Quảng Cáo phát hành Thanh Niên	1.611.000.000	1.357.000.000
Công ty TNHH MTV Giải trí Thanh Niên	1.104.351.667	1.104.351.667
Hãng phim Thanh Niên	1.650.000.000	1.650.000.000
Công ty cổ phần truyền thông Thanh Niên Film	1.020.000.000	1.020.000.000
Ông Trần Khanh	-	64.899.600.000
Công ty cổ phần duyên dáng Việt Nam	400.000.000	400.000.000
Khách hàng khác	1.259.129.660	677.134.486
-Tạm ứng	-	-
Bùi Vũ Trúc Nhi	1.583.772.264	1.224.717.870
Nguyễn Anh Nghĩa	803.962.358	803.962.358
Trần Thị Thanh Anh	287.500.000	257.500.000
Đỗ Ngọc Tuấn	370.050.000	370.050.000
Nguyễn Thu Hương	750.889.000	-
Nguyễn Anh Đào	470.000.000	-
Nhân viên khác	1.500.513.873	1.705.345.084
Tổng cộng	61.156.285.301	148.483.195.633
<i>Dự phòng phải thu khó đòi</i>	<i>(222.512.592)</i>	<i>(222.512.592)</i>
Giá trị thuần phải thu thương mại và phải thu khác	60.933.772.709	148.260.683.041
	Tại 30/6/2015	Tại 01/01/2015
4 Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
	Tại 30/6/2015	Tại 01/01/2015
5 Nợ xấu	-	-
6 Hàng tồn kho	Tại 30/6/2015	Tại 01/01/2015
Nguyên vật liệu	14.870.268.754	13.535.515.268
Công cụ dụng cụ	4.312.927	4.227.954
Chi phí SXKD dở dang	115.741.138	-
Thành phẩm	148.220.986	-
Hàng hóa	649.063.176	797.481.116
Tổng cộng	15.787.606.981	14.337.224.338

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN

345/134 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	15.787.606.981	14.337.224.338
7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Tại 30/6/2015	Tại 01/01/2015
Mua sắm	-	-
Xây dựng cơ bản	-	-
- Dự án Long Phước	79.873.221.649	79.873.221.649
- Nhà hát San Hô+ dự án Vĩnh Hy	1.739.126.709	379.590.909
- Chi phí XD CB khác	159.704.545	159.704.545
Sửa chữa	-	-
Tổng cộng	81.772.052.903	80.412.517.103

8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình (Xem phụ lục 01)**9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền máy tính	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2015	3.803.345.000	-	-	48.500.000	3.851.845.000
- Mua trong năm	35.833.724.720	-	-	-	35.833.724.720
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại 30/6/2015	39.637.069.720	-	-	48.500.000	39.685.569.720
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2015	-	-	-	48.500.000	48.500.000
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại 30/6/2015	-	-	-	48.500.000	48.500.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2015	3.803.345.000	-	-	-	3.803.345.000
Tại 30/6/2015	39.637.069.720	-	-	-	39.637.069.720

10 Chi phí trả trước

	Tại 30/6/2015	Tại 01/01/2015
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
- Các khoản khác	105.957.719	288.619.805
b) Chi phí trả trước dài hạn	-	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	924.446.260	1.117.156.178
- Chi phí sửa chữa, cải tạo nền thoát nước chống thấm	3.050.408.025	3.639.810.051
- Chi phí sửa chữa văn phòng 345/134 THĐ	-	5.623.792.827
- Chi phí sửa chữa hội trường, phòng HĐQT	-	443.187.910
Tổng cộng	3.974.854.285	10.823.946.966

11 Vay và nợ thuê tài chính

	Tại 30/6/2015	Tại 01/01/2015
Vay ngân hàng	1.468.666.495	249.249.200
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	1.468.666.495	249.249.200
Vay đối tượng khác	103.000.000.000	103.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN

345/134 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm*

- Công ty CP tập đoàn Trung Nguyên	103.000.000.000	103.000.000.000
Giá trị nợ thuê tài chính	-	-
Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán	-	-
Tổng cộng	104.468.666.495	103.249.249.200
12 Phải trả nhà cung cấp	Tại 30/6/2015	Tại 01/01/2015
a. Phải trả người bán	29.421.563.143	45.235.817.645
Công ty đầu tư và phát triển Kỳ Hà - Chu Lai	5.043.828.232	5.043.828.232
Công ty TNHH Quảng Cáo phát hành Thanh Niên	1.633.493.444	1.633.493.444
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	1.046.842.442	-
Công ty TNHH Truyền Thông Chuyên San	-	2.030.682.500
ITOCHE SINGAPORE PTE.LTD	-	17.260.442.039
Công ty cổ phần xây dựng Techcons	-	2.000.000.000
Công ty CP DV cửa cao cấp Châu Âu	858.132.858	1.158.132.858
Công ty TNHH Thiết bị sim SPM	1.423.112.548	1.365.496.816
Công ty CP thương mại Toàn Lực	4.849.115.975	4.485.407.029
Công ty CP phát triển công nghệ Vĩnh Phát	4.621.973.326	2.764.240.906
Công ty CP Phùng Vĩnh Hưng	1.514.208.751	2.813.051.872
Công ty CPTV XD Công trình vật liệu xây dựng	1.713.659.200	2.093.625.120
Khách hàng khác	6.717.196.367	2.587.416.829
b. Người mua trả tiền trước	735.718.646	199.957.323
Công ty TNHH TM Hồng Phát Minh	62.378.800	62.378.800
Công ty TNHH TM Dịch vụ Phú Gia Thịnh	-	41.250.000
Công ty Pepsico Việt Nam	50.000.000	50.000.000
Thời báo ngân hàng	623.191.323	-
DNTN xây dựng Thành Đạt	-	45.100.000
Khách hàng khác	148.523	1.228.523
Tổng cộng	30.157.281.789	45.435.774.968
13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Tại 30/6/2015	Tại 01/01/2015
a) Phải nộp	1.123.542.559	1.723.087.147
Thuế GTGT phải nộp	755.098.105	829.708.066
Thuế thu nhập doanh nghiệp	296.625.779	605.470.642
Thuế thu nhập cá nhân	71.818.675	287.908.439
Tổng cộng	1.123.542.559	1.723.087.147
b) Phải thu	4.290.345.743	4.260.054.039
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.290.345.743	4.233.145.047
Thuế thu nhập cá nhân	-	26.908.992
Tổng cộng	4.290.345.743	4.260.054.039
14 Chi phí phải trả	Tại 30/6/2015	Tại 01/01/2015
a) Ngắn hạn	-	-
Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	-	-
Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-
Các khoản trích trước khác	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN

345/134 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm*

<i>Giải bóng đá U21 - Báo Thanh Niên</i>		434.292.363	541.181.818
b) Dài hạn			
Lãi vay		-	-
Các khoản khác		-	-
Tổng cộng		434.292.363	541.181.818
15 Phải trả khác			
		Tại 30/6/2015	Tại 01/01/2015
a) Các khoản phải trả			
Kính phí công đoàn		19.299.545	11.624.544
Bảo hiểm xã hội		5.604.114	2.852.575
Bảo hiểm y tế		6.822.180	-
Công đoàn phí		2.188.042	2.188.042
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		7.365.934.672	4.275.095.672
Các khoản phải trả phải nộp khác		-	-
Quỹ nhân tài nước Việt		5.718.851.778	5.603.897.431
Công ty TNHH Đầu tư & phát triển Sinh Thái		-	54.300.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ cáp treo Bà Nà		20.000.000.000	-
Quỹ nhân tài nước Việt - học bổng Nguyễn Thái Bình		392.788.391	392.788.391
Các đối tượng khác		960.344.050	580.961.650
Tổng cộng		34.471.832.772	65.169.408.305
		Tại 30/6/2015	Tại 01/01/2015
16 Doanh thu chưa thực hiện			
a) Ngắn hạn			
Doanh thu nhận trước		-	-
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống		-	-
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác		-	-
b) Dài hạn		154.545.454	154.545.454
c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với KH			
		-	-
Tổng cộng		154.545.454	154.545.454
17 Vốn chủ sở hữu			
a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Xem phụ lục 02)			
b. Chi tiết các thành viên góp vốn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015:			
	Giá trị	Tỷ lệ	
Báo Thanh Niên	48.000.000.000	11,90%	
Nguyễn Công Khế	300.085.060.000	74,39%	
Các cổ đông khác	55.331.240.000	13,71%	
Tổng cộng	403.416.300.000	100,00%	
c. Cổ phiếu			
	Tại 30/6/2015	Tại 01/01/2015	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.341.630	40.341.630	
- Cổ phiếu phổ thông	40.341.630	40.341.630	
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.341.630	40.341.630	
- Cổ phiếu phổ thông	40.341.630	40.341.630	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN

345/134 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm*

- Cổ phiếu ưu đãi

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

d. Các quỹ của Doanh nghiệp

	Tại 30/6/2015	Tại 01/01/2015
Quỹ đầu tư phát triển	4.361.224.959	3.382.228.938
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.443.363.948	3.631.707.800
	7.804.588.907	7.013.936.738

18 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại 30/6/2015	Tại 01/01/2015
Ngoại tệ các loại (USD)	12.782,65	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
Doanh thu bán hàng hóa	53.741.809.424	53.368.235.643
Doanh thu cho thuê văn phòng	2.132.986.608	1.729.886.026
Doanh thu tổ chức sự kiện	1.293.583.716	12.530.355.195
Tổng cộng	57.168.379.748	67.628.476.864

2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
Hàng bán bị trả lại	258.041.957	-
Tổng cộng	258.041.957	-

3 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
Giá vốn của hàng hóa đã bán	46.321.870.644	44.986.730.291
Giá vốn cho thuê văn phòng	-	-
Giá vốn tổ chức sự kiện	1.292.297.204	10.791.713.106
Tổng cộng	47.614.167.848	55.778.443.397

4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
Lãi tiền gửi ngân hàng	379.882.342	198.963.887
Lãi chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	-	7.829.250
Doanh thu hoạt động tài chính khác	200.000.000	-
Tổng cộng	579.882.342	206.793.137

5 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
Lãi vay	46.787.510	186.167.907
Lỗ chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	237.674.883	39.821.224
Tổng cộng	284.462.393	225.989.131

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm

6 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Chi phí nhân viên	467.261.866
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	26.055.566
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.156.544
Thuế, phí và lệ phí	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.606.173
Chi phí bằng tiền khác	217.849.047
Tổng cộng	842.929.196

7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Chi phí nhân viên	4.266.982.524
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	859.714.350
Chi phí đồ dùng văn phòng	190.706.564
Chi phí khấu hao TSCĐ	363.801.850
Thuế, phí và lệ phí	39.554.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.047.436.285
Chi phí bằng tiền khác	1.398.308.783
Tổng cộng	8.166.504.936

8 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Thu từ sửa chữa cải tạo tòa nhà 345/ 134 THĐ	6.300.000.000
Thu từ tiền phạt vi phạm hợp đồng	14.893.050
Thu nhập khác	288.519.954
Tổng cộng	6.603.413.004

9 Chi phí khác

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Tiền phạt, tiền bồi thường	238.118.078
Chi phí khác	6.287.136.100
Tổng cộng	6.525.254.178

10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	660.314.586
<i>Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:</i>	
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.775.418.352
Lỗi của văn phòng không được trừ	3.620.152.546
Lỗi chi nhánh Mỹ không được trừ	155.265.806
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.440.975.562)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm

Lãi chi nhánh Hà Nội	(2.440.975.562)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.994.757.376
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	438.846.623
Các khoản miễn, giảm thuế	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	438.846.623
11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	
	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.010.592.178
Chi phí nhân công	31.764.599.946
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.995.456.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.420.021.879
Chi phí bằng tiền khác	2.235.768.738
Tổng cộng	55.426.439.642

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT	
	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ liên quan	43.530.338.611
Tăng đầu tư liên kết, liên doanh bằng cách căn trừ công nợ	1.148.225.607

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- 1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**
- 2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo**
- 3 Công cụ tài chính**

Các loại công cụ tài chính

	Tại 30/6/2015	Tại 01/01/2015
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	330.329.098.827	329.937.000.632
Các khoản phải thu, Trả trước cho người bán	60.999.959.653	149.981.341.601
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	12.960.095.218	10.361.549.113
Cộng	404.289.153.698	490.279.891.346
Công nợ tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	104.468.666.495	103.249.249.200
Phải trả người bán, Người mua trả tiền trước	30.157.281.789	45.435.774.968
Các khoản nợ tài chính khác	37.549.206.884	69.057.994.567
Cộng	172.175.155.168	217.743.018.735
Trạng thái ròng	232.113.998.530	272.536.872.611

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu những rủi ro của thị trường (bao gồm: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị thị trường có các loại rủi ro: Rủi ro tiền tệ, Rủi ro lãi suất và Rủi ro về giá khác.

(i) Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng tiền Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Rủi ro tiền tệ của công ty là không trọng yếu vì Công ty chỉ có một số rất ít tiền bằng Đô la Mỹ (USD) tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty có các rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lãi suất. Hiện tại Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá, do vậy, Công ty chỉ chịu rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu / phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động lãi suất đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý.

(iii) Quản lý rủi ro về giá khác (Rủi ro về giá cổ phiếu)

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng / giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý.

b. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Nợ phải trả tài chính	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tại 30/6/2015			
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	104.468.666.495	-	104.468.666.495
Phải trả người bán, Người mua trả tiền trước	30.157.281.789	-	30.157.281.789
Các khoản nợ tài chính khác	37.394.661.430	154.545.454	37.549.206.884
Cộng	172.020.609.714	154.545.454	172.175.155.168
Tại 01/01/2015			
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	103.249.249.200	-	103.249.249.200
Phải trả người bán, Người mua trả tiền trước	45.435.774.968	-	45.435.774.968
Các khoản nợ tài chính khác	68.903.449.113	154.545.454	69.057.994.567
Cộng	217.588.473.281	154.545.454	217.743.018.735
Tài sản tài chính			
Tại 30/6/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	330.329.098.827	-	330.329.098.827
Các khoản phải thu, Trả trước cho người bán	60.999.959.653	-	60.999.959.653



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN

345/134 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm*

Các khoản đầu tư tài chính	12.960.095.218	-	12.960.095.218
Cộng	404.289.153.698	-	404.289.153.698
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	329.937.000.632	-	329.937.000.632
Các khoản phải thu, Trả trước cho người bán	149.981.341.601	-	149.981.341.601
Các khoản đầu tư tài chính	10.361.549.113	-	10.361.549.113
Cộng	490.279.891.346	-	490.279.891.346

4 Thông tin hoạt động liên tục**5 Thông tin về các bên liên quan****a. Các bên liên quan trong giao dịch phát sinh trong kỳ tài chính bao gồm:**

Tên đối tượng	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Giải trí Thanh Niên	Công ty con
Công ty CP Truyền Thông Thanh Niên Film	Công ty con
Công ty TNHH Quảng Cáo Phát Hành Thanh Niên	Công ty liên kết, liên doanh
Công ty CP Duyên Dáng Việt Nam	Công ty liên kết, liên doanh
Công ty CP Truyền Thông Một Thế Giới	Công ty liên kết, liên doanh
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	Công ty liên kết, liên doanh
Công ty CP Truyền Thông Giải Trí Ami Thanh Niên	Công ty liên kết, liên doanh
Công ty CP Dịch Vụ Thanh Niên	Công ty liên kết, liên doanh

b. Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ tài chính:**1. Công ty cổ phần truyền thông thanh niên Film**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Trừ tiền thuê văn phòng vào tiền góp vốn	129.551.131
Doanh thu cho thuê văn phòng	117.773.756

2. Công ty TNHH quảng cáo phát hành Thanh Niên

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Thu tiền thuê VP, tiền điện, điện thoại, pho to	203.066.397
Doanh thu cho thuê văn phòng	284.491.587
Vay trong kỳ	254.000.000

3. Công ty cổ phần truyền thông Một Thế Giới

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Góp vốn vào công ty	865.161.146
Cho mượn tiền trong kỳ	205.000.000

4. Công ty TNHH Thanh Niên Investment

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Cho mượn tiền trong kỳ	300.000.000
Cấn trừ công nợ vào đầu tư góp vốn	1.433.832.882
Thu tiền thuê VP, tiền điện, điện thoại, pho to	647.205.951

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN

345/134 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm*

Doanh thu trong kỳ 2.389.475.294

5. Công ty CP truyền thông giải trí ami Thanh Niên**Từ 01/01/2015
đến 30/6/2015**

Thu tiền thuê VP, tiền điện, điện thoại, pho to 63.445.780

Doanh thu cho thuê văn phòng 55.278.369

6. Công ty CP dịch vụ Thanh Niên**Từ 01/01/2015
đến 30/6/2015**

Trừ tiền thuê văn phòng vào tiền góp vốn 170.000.912

Doanh thu cho thuê văn phòng 154.546.287

c. Vào thời điểm lập Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan được thể hiện như sau:**1. Công ty TNHH MTV Giải trí Thanh Niên****Tại 30/6/2015****Tại 01/01/2015**

Phải thu 1.218.804.824

1.218.804.824

2. Công ty cổ phần truyền thông thanh niên Film**Tại 30/6/2015****Tại 01/01/2015**

Phải thu 1.020.000.000

1.020.000.000

Phải trả 54.362.880

54.362.880

3. Công ty TNHH quảng cáo phát hành Thanh Niên**Tại 30/6/2015****Tại 01/01/2015**

Phải thu 2.795.636.829

1.357.000.000

Phải trả 1.654.402.244

1.654.402.244

4. Công ty cổ phần duyên dáng Việt Nam**Tại 30/6/2015****Tại 01/01/2015**

Phải thu 662.080.901

662.080.901

Phải trả 1.770.000

1.770.000

5. Công ty TNHH Thanh Niên Investment**Tại 30/6/2015****Tại 01/01/2015**

Phải thu 1.296.157.958

988.447.444

Phải trả 1.046.842.442

448.646.814

6. Công ty CP truyền thông giải trí ami Thanh Niên**Tại 30/6/2015****Tại 01/01/2015**

Phải thu 9.863.978

11.993.705

7. Công ty CP dịch vụ Thanh Niên**Tại 30/6/2015****Tại 01/01/2015**

Phải trả 72.483.840

72.483.840

6 Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính giữa niên độ và kết quả kinh doanh giữa niên độ của doanh nghiệp**Chỉ tiêu****Tại 30/6/2015****Tại 01/01/2015****a. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn**

Bố trí cơ cấu tài sản (%)

- Tài sản dài hạn / Tổng Tài sản

29,75%

21,77%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN**Mẫu số B 09-DN**

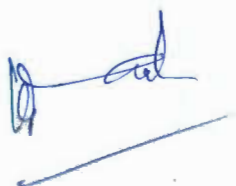
345/134 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa riêng niên độ được đính kèm

- Tài sản ngắn hạn / Tổng Tài sản	70,25%	78,23%
Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	29,39%	34,27%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	70,61%	65,73%
b. Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	2,39	2,28
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	2,30	2,22
	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
c. Tỷ suất sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	1,16%	2,40%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	0,39%	1,87%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Tổng Tài sản	0,11%	0,25%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng Tài sản	0,04%	0,20%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	0,05%	0,30%

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2015



Bùi Thị Hồng Minh
Kế Toán Trưởng



Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN**Mẫu số B 09-DN**

345/134 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm

PHỤ LỤC 01: TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	8.435.161.028	47.121.997.799	5.480.609.245	1.008.547.016	209.115.481	62.255.430.569
- Mua trong năm	7.696.613.891	-	-	-	-	7.696.613.891
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	16.131.774.919	47.121.997.799	5.480.609.245	1.008.547.016	209.115.481	69.952.044.460
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	3.370.549.139	24.548.274.521	2.479.334.383	476.034.127	209.115.481	31.083.307.651
- Khấu hao trong năm	392.728.804	1.359.802.722	1.193.453.412	49.472.484	-	2.995.457.422
Số dư cuối năm	3.763.277.943	25.908.077.243	3.672.787.795	525.506.611	209.115.481	34.078.765.073
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
- Số đầu năm	5.064.611.889	22.573.723.278	3.001.274.862	532.512.889	-	31.172.122.918
- Số cuối năm	12.368.496.976	21.213.920.556	1.807.821.450	483.040.405	-	35.873.279.387



Bùi Thị Hồng Minh
Kế Toán Trưởng



Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN

345/134 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm***PHỤ LỤC 02: VỐN CHỦ SỞ HỮU****Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu:**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Cộng
Số đầu năm trước	103.416.300.000	3.172.168.037	3.631.707.800	(110.224.634)	(32.701.677.065)	77.408.274.138
Tăng vốn trong năm trước	300.000.000.000	210.060.901	-	42.219.247	44.768.918.132	345.021.198.280
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	(4.790.194.638)	(4.790.194.638)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm trước	-	-	-	-	-	-
Nộp thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
Tăng / (Giảm) khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	403.416.300.000	3.382.228.938	3.631.707.800	(68.005.387)	7.277.046.429	417.639.277.780
Số dư đầu năm nay	403.416.300.000	3.382.228.938	3.631.707.800	(68.005.387)	7.277.046.429	417.639.277.780
Tăng vốn năm nay	-	978.996.021	-	-	-	790.652.169
Giảm vốn năm nay	-	-	(188.343.852)	(254.816)	-	(254.816)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	221.467.963	221.467.963
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	(1.980.256.513)	(1.980.256.513)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	(3.102.489.000)	(3.102.489.000)
Nộp thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
Tăng / (Giảm) khác	-	-	-	40.634.281	-	40.634.281
Số dư cuối năm nay	403.416.300.000	4.361.224.959	3.443.363.948	(27.625.922)	2.415.768.878	413.609.031.863

(*) Quỹ dự phòng tài chính được trình bày trên mã số 420-Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng Cân đối kế toán


Bùi Thị Hồng Minh
 Kế toán trưởng

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2015


Tổng Giám đốc
